

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÀM DƠI
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 268/2024/HNGĐ-ST
Ngày 04-11-2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Ý

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Hồ Thanh Phong
- Ông Nguyễn Văn Hiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Chinh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 04 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 417/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 283/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1974 (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Phạm H1, sinh năm 1966 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Khóm D, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Phạm Hoàng tự N chung sống với nhau từ tháng 3 năm 2003 dương lịch nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, bất đồng ý kiến trong sinh hoạt hàng ngày, thường xảy ra cự cãi giận dỗi, không tôn trọng và nhường nhịn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, gay gắt không thể hàn gắn được. Bà nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, hôn nhân không thể kéo dài nên yêu cầu ly hôn với ông H1.

Về con chung: Có 01 con chung tên Phạm Nguyễn Quang S, sinh ngày 03/6/2006 hiện đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Phạm H1 trình bày:

Về hôn nhân: Thống nhất lời trình bày của bà H về việc ông và bà H tự nguyện chung sống với nhau từ tháng 3 năm 2003 dương lịch nhưng không có đăng ký kết hôn. Ông đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Phạm Nguyễn Quang S, sinh ngày 03/6/2006 hiện đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Hoàng C đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Hoàng tự N xác lập quan hệ hôn nhân vào tháng 3 năm 2003 dương lịch. Tuy bà H và ông H1 xác lập quan hệ hôn nhân trên tinh thần tự nguyện và có đủ điều kiện kết hôn theo quy định Luật Hôn nhân và gia đình nhưng trong quá trình chung sống, đến thời điểm yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn không có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông H1 không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ, chồng theo quy định tại Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Bà H và ông H1 có 01 con chung tên Phạm Nguyễn Quang S, sinh ngày 03/6/2006 hiện đã trưởng thành, có khả năng lao động, đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự xác định tự thỏa thuận về tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Bà H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị H và ông Phạm H1 là vợ chồng.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng. Bà H đã nộp tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0001806 ngày 04 tháng 10 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Hồng Ý